

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT
VIỆT TRÌ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì tiền thân là Nhà máy Hóa chất số 1 Việt Trì trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Theo lộ trình đổi mới doanh nghiệp của Nhà nước, Công ty đã chính thức chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty cổ phần vào ngày 04 tháng 01 năm 2006, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2600108217 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại : (0210) 3911 696
- Fax : (0210) 3911 512

Hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Đình Khoát	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Quốc Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023
Ông Văn Đình Hoan	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Phú	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Bách	Thành viên	
Ông Nguyễn Huy Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023
Ông Khúc Ngọc Giảng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Việt Dũng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ
Ông Văn Đình Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bách	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Hải Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh Hoa	Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Văn Đình Hoan - Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

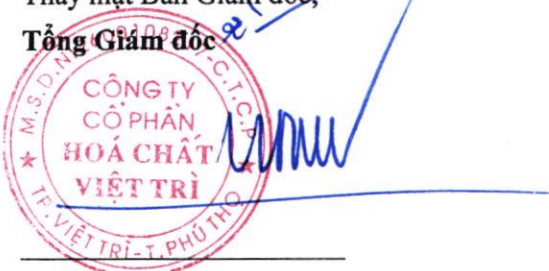
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Văn Đình Hoan

Ngày 3 tháng 8 năm 2023

Số: 2.0500/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 3 tháng 8 năm 2023, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 10 tháng 8 năm 2022 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vào ngày 06 tháng 3 năm 2023 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		490.267.241.985	459.477.881.010
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	91.104.286.007	33.623.430.547
1. Tiền	111		31.104.286.007	8.623.430.547
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.500.000.000	102.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	50.500.000.000	102.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.467.691.627	160.270.410.945
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	107.995.111.938	140.076.440.750
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27.302.542.640	863.782.786
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	36.223.709.119	30.642.953.359
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(11.053.672.070)	(11.312.765.950)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	172.223.436.791	138.708.461.226
1. Hàng tồn kho	141		172.674.716.128	140.777.931.249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(451.279.337)	(2.069.470.023)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.971.827.560	24.375.578.292
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	15.445.530.245	19.986.605.147
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		116.485.982	4.388.973.145
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	409.811.333	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		262.246.338.760	228.925.911.648
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		209.788.001.028	221.219.683.226
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	209.788.001.028	221.219.683.226
<i>Nguyên giá</i>	222		906.690.152.705	899.397.614.782
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(696.902.151.677)	(678.177.931.556)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		471.977.314	471.977.314
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(471.977.314)	(471.977.314)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.536.098.079	1.668.198.770
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	46.536.098.079	1.668.198.770
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.922.239.653	6.038.029.652
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.922.239.653	6.038.029.652
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		752.513.580.745	688.403.792.658

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		358.677.924.799	251.222.156.053
I. Nợ ngắn hạn	310		337.186.752.299	250.412.711.813
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	125.842.265.750	79.343.000.193
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	3.605.149.354	2.740.128.282
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.780.647.778	18.470.487.542
4. Phải trả người lao động	314		15.447.811.899	18.448.754.001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.824.311.148	2.864.580.622
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	75.865.956.472	21.233.820.229
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	54.705.119.991	85.134.255.272
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	16.357.500.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	38.757.989.907	22.177.685.672
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		21.491.172.500	809.444.240
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	21.491.172.500	809.444.240
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		393.835.655.946	437.181.636.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	393.835.655.946	437.181.636.605
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.880.590.000	109.880.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.880.590.000	109.880.590.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		184.270.274.371	131.167.672.269
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.684.791.575	196.133.374.336
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48.105.741.867	19.124.700.664
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		51.579.049.708	177.008.673.672
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		752.513.580.745	688.403.792.658

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Hoa

Lập, ngày 3 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Văn Đình Hoan

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	687.763.833.529	666.839.825.245
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	49.000.476.068	41.646.049.510
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		638.763.357.461	625.193.775.735
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	510.743.553.628	463.564.560.236
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		128.019.803.833	161.629.215.499
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.850.216.534	3.578.430.952
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.628.864.149	8.673.799.341
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.586.888.489	2.399.783.594
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	42.318.675.530	36.291.786.340
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	23.957.710.335	22.553.993.193
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.964.770.353	97.688.067.577
11. Thu nhập khác	31	VI.8	8.082.802.665	860.207.514
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.267.047.508	507.472.753
13. Lợi nhuận khác	40		5.815.755.157	352.734.761
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.780.525.510	98.040.802.338
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	13.201.475.802	19.665.438.545
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>51.579.049.708</u>	<u>78.375.363.793</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>4.225</u>	<u>6.419</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>4.225</u>	<u>6.419</u>

Lập, ngày 3 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Hoa

Tổng Giám đốc



Văn Đình Hoan

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.780.525.510	98.040.802.338
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.11	27.333.053.174	26.268.703.781
- Các khoản dự phòng	03		14.480.215.434	25.837.673.865
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.997.276.780)	(2.750.974.509)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	2.586.888.489	2.399.783.594
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		104.183.405.827	149.795.989.069
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.054.080.809	(49.494.982.048)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(31.896.784.879)	(24.037.996.679)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		37.607.263.156	31.933.869.511
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.656.864.901	(2.814.201.244)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.055.890.313)	(2.764.205.800)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(26.513.968.302)	(15.585.492.268)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	32.350.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(1.441.835.545)	(2.321.128.080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		87.625.485.654	84.711.852.461
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(60.810.660.818)	(34.496.948.046)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		33.000.000	29.100.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.500.000.000)	(182.944.087.672)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		122.500.000.000	171.319.123.288
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.857.247.945	2.641.950.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.920.412.873)	(43.450.861.499)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	149.253.357.237	131.462.340.339
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(159.000.764.258)	(147.540.581.811)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.476.810.300)	(3.756.040)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(26.224.217.321)</i>	<i>(16.081.997.512)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		57.480.855.460	25.178.993.450
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	33.623.430.547	5.249.720.056
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	91.104.286.007	30.428.713.506

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Hoa

Lập, ngày 3 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Văn Đình Hoan

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 339 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 330 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Hệ thống quản lý chất lượng mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian 03 năm. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	109.882.175	192.184.416
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.994.403.832	8.431.246.131
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	<u>91.104.286.007</u>	<u>33.623.430.547</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 8,0% - 9,5%.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>3.176.194.401</i>	<i>2.712.250.891</i>
Công ty TNHH Một thành viên Đạm Ninh Bình	972.927.785	722.946.612
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	14.097.836	-
Công ty Cổ phần bột giặt LIX - Chi nhánh tại Bắc Ninh	-	294.883.663
Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam	2.189.168.780	1.565.518.080
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	-	128.902.536

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Phải thu các khách hàng khác	104.818.917.537		137.364.189.859	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Sản xuất Minh Tiến	16.758.766.530		4.554.397.093	
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	10.461.616.063		15.977.183.344	
Công ty TNHH Sản xuất Tân Thành	7.163.499.402		13.142.172.032	
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	23.870.762.960		64.034.850.240	
Các khách hàng khác	46.564.272.582		39.655.587.150	
Cộng	107.995.111.938		140.076.440.750	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất	26.845.805.700		-	
Các nhà cung cấp khác	456.736.940		863.782.786	
Cộng	27.302.542.640		863.782.786	
5. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.567.632.878	-	1.438.041.097	-
Tạm ứng	1.350.757.441	-	708.636.689	-
Ký cược, ký quỹ ^(*)	20.030.000.000	-	20.000.000.000	-
Ông Phan Anh Tuấn ^(**)	7.241.712.000	(7.241.712.000)	7.241.712.000	(7.241.712.000)
Thuế GTGT chưa kê khai	5.011.078.839	-	-	-
Thuế TNCN phải thu cán bộ công nhân viên	501.209.744	-	1.132.534.345	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	521.318.217	-	122.029.228	-
Cộng	36.223.709.119	(7.241.712.000)	30.642.953.359	(7.241.712.000)

(*) Khoản ký quỹ, ký cược bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần số tiền 20.000.000.000 VND đang sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

(**) Ngày 11/08/2020, Toàn án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm và công bố bản án số 394/2020/HS-PT của vụ án bà Lưu Thị Tình cùng ông Phan Anh Tuấn chiếm đoạt tài sản của Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì.

Trong đó:

+ Bà Lưu Thị Tình đã hoàn trả đầy đủ tiền chiếm hưởng để đền bù thiệt hại;

+ Ông Phan Anh Tuấn chiếm hưởng 7.241.712.000 VND nhưng chưa hoàn trả. Tòa yêu cầu buộc ông Phan Anh Tuấn phải hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì toàn bộ số tiền này. Đồng thời tòa đã tuyên án hai đối tượng này phải chấp hành án tù theo quy định.

Ngày 08/10/2020, Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì đã gửi đơn yêu cầu thi hành án số 310/CV-HVT đến Cục thi hành án Dân sự tỉnh Phú Thọ về việc đề nghị Cục thi hành bản án số 394/2020/HS-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu trên.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng 100% với khoản phải thu đối tượng Phan Anh Tuấn từ năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Quá hạn trên 3 năm	10.657.395.237	(10.657.395.237)	10.948.395.237	(10.948.395.237)
Phan Anh Tuấn	7.241.712.000	(7.241.712.000)	7.241.712.000	(7.241.712.000)
Công ty TNHH Thương mại Thành Phát	509.699.629	(509.699.629)	509.699.629	(509.699.629)
Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh	277.591.238	(277.591.238)	277.591.238	(277.591.238)
Công ty TNHH Minh Nguyên	496.014.290	(496.014.290)	496.014.290	(496.014.290)
Công ty Cổ phần Giấy BBP	597.459.435	(597.459.435)	597.459.435	(597.459.435)
Công ty Cổ phần Đất hiếm Việt Nam	1.262.626.204	(1.262.626.204)	1.553.626.204	(1.553.626.204)
Công ty Cổ phần Thủy Đạt	186.244.472	(186.244.472)	186.244.472	(186.244.472)
Hợp tác xã Xuân Dương	60.000.000	(60.000.000)	60.000.000	(60.000.000)
Công ty TNHH Khánh Nam	26.047.969	(26.047.969)	26.047.969	(26.047.969)
Quá hạn từ 01 đến dưới 3 năm	646.518.015	(396.276.833)	696.518.015	(364.370.713)
Các đối tượng khác	646.518.015	(396.276.833)	696.518.015	(364.370.713)
Cộng	11.303.913.252	(11.053.672.070)	11.644.913.252	(11.312.765.950)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	11.312.765.950	12.000.169.581
Trích lập dự phòng bổ sung	-	78.794.678
Hoàn nhập dự phòng	(259.093.880)	-
Số cuối kỳ	11.053.672.070	12.078.964.259

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	25.296.244.000	-	49.771.796.040	-
Nguyên liệu, vật liệu	99.078.181.237	-	54.712.101.162	-
Công cụ, dụng cụ	36.027.341.072	-	8.081.400.696	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	226.923.811	-	697.764.497	-
Thành phẩm	11.265.932.612	(451.279.337)	27.278.811.509	(2.069.470.023)
Hàng hóa	780.093.396	-	236.057.345	-
Cộng	172.674.716.128	451.279.337	140.777.931.249	(2.069.470.023)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.069.470.023	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	851.176.104
Hoàn nhập dự phòng	(1.618.190.686)	-
Số cuối kỳ	451.279.337	851.176.104

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.289.932.761	15.093.385.173
Chi phí sửa chữa	7.155.597.484	4.893.219.974
Cộng	<u>15.445.530.245</u>	<u>19.986.605.147</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.578.615.666	6.038.029.652
Chi phí sửa chữa	1.343.623.987	-
Cộng	<u>5.922.239.653</u>	<u>6.038.029.652</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	78.946.386.514	676.852.621.915	51.388.870.567	92.209.735.786	899.397.614.782
Mua trong kỳ	-	4.823.809.182	-	568.750.000	5.392.559.182
Nâng cấp tài sản cố định	-	467.225.455	-	-	467.225.455
Xuất kho	-	422.000.000	-	247.183.446	669.183.446
Tài sản cố định hình thành từ quỹ phúc lợi	9.413.793.426	-	-	-	9.413.793.426
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.650.223.586)	-	-	(8.650.223.586)
Số cuối kỳ	88.360.179.940	673.915.432.966	51.388.870.567	93.025.669.232	906.690.152.705
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	27.652.214.145	423.604.533.938	32.251.115.519	47.918.134.549	531.425.998.151
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	41.820.118.237	526.858.588.100	40.536.170.576	68.963.054.643	678.177.931.556
Khấu hao trong kỳ	1.650.291.421	20.217.507.284	1.288.098.054	4.177.156.415	27.333.053.174
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ phúc lợi	18.827.587	-	-	-	18.827.587
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.627.660.640)	-	-	(8.627.660.640)
Số cuối kỳ	43.489.237.245	538.448.434.744	41.824.268.630	73.140.211.058	696.902.151.677
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	37.126.268.277	149.994.033.815	10.852.699.991	23.246.681.143	221.219.683.226
Số cuối kỳ	44.870.942.695	135.466.998.222	9.564.601.937	19.885.458.174	209.788.001.028
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 64.763.530.609 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.					



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	25.940.775.351	1.668.198.770
Công trình đầu tư chất khử trùng các nguồn nước 9000 tấn/năm	1.113.373.564	1.112.698.564
Nhà nghỉ giữa ca cho người lao động	-	382.206.146
Dự án thay thế thiết bị điện phân và máy biến áp chính lưu R230	4.172.006.940	86.796.940
Dự án hệ thống tổng hợp a xít HCL 450 tấn/ngày	20.313.769.847	86.497.120
Dự án khác	341.625.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	20.595.322.728	-
Sửa chữa thiết bị điện phân R230	20.005.435.185	-
Sửa chữa tài sản khác	589.887.543	-
Cộng	<u>46.536.098.079</u>	<u>1.668.198.770</u>

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	77.328.000
Công ty Cổ Phần Cao Su Sao Vàng	-	77.328.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	125.842.265.750	79.265.672.193
Công ty TNHH Muối Khánh Vinh	42.295.291.200	9.851.395.040
Công ty TNHH VT Chemical Việt Nam	5.143.410.691	9.279.386.856
Công ty Điện lực Phú Thọ	6.478.095.442	7.971.655.417
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Vân Long CDC	33.735.812.112	-
Các nhà cung cấp khác	38.189.656.305	52.163.234.880
Cộng	<u>125.842.265.750</u>	<u>79.343.000.193</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	1.848.000	7.139.324
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	-	7.139.324
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	1.848.000	-
Trả trước của các khách hàng khác	3.603.301.354	2.732.988.958
Công ty TNHH Công nghệ Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	1.960.402.363	1.032.653.274
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Trường An	826.940.753	21.976.927
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Hà	-	1.065.739.230
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Đá Quảng Nam	308.451.112	308.451.112
Các khách hàng khác	507.507.126	304.168.415
Cộng	<u>3.605.149.354</u>	<u>2.740.128.282</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	12.276.669.664	(12.276.669.664)	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	52.868.946	(52.868.946)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.013.968.302	13.201.475.802	(26.513.968.302)	4.701.475.802	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	456.519.240	1.066.420.352	(1.443.767.616)	79.171.976	-	-
Tiền thuê đất	-	590.188.667	(1.000.000.000)	-	409.811.333	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
Cộng	18.470.487.542	27.190.623.431	(41.290.274.528)	4.780.647.778	409.811.333	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.780.525.510	98.040.802.338
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí loại trừ	1.226.853.502	286.390.385
Thu nhập chịu thuế	66.007.379.012	98.327.192.723
Thu nhập tính thuế	66.007.379.012	98.327.192.723
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	13.201.475.802	19.665.438.545

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đất theo Thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cục Thuế Tỉnh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.20a).

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vận chuyển	1.070.828.690	-
Chi phí lãi vay phải trả	515.977.369	984.979.193
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	237.505.089	1.879.601.429
Cộng	<u>1.824.311.148</u>	<u>2.864.580.622</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>41.454.204.500</u>	<u>60.000.000</u>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Cổ tức phải trả	41.394.204.500	-
Thù lao Hội đồng quản trị	60.000.000	60.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	<u>34.411.751.972</u>	<u>21.173.820.229</u>
Kinh phí công đoàn	83.296.780	194.892.080
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.235.494.000	6.191.240.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	19.072.999.607	27.601.407
Chiết khấu phải trả	10.241.170.491	14.056.239.244
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	778.791.094	703.847.498
Cộng	<u>75.865.956.472</u>	<u>21.233.820.229</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng Shinhan Bank – Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱ⁾	26.466.673.791	47.328.495.422
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	9.142.950.600	13.482.536.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	19.095.495.600	24.323.223.850
Cộng	<u>54.705.119.991</u>	<u>85.134.255.272</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Shinhan Bank - Chi nhánh Hà Nội có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất dao động trong khoảng từ 5,2 - 5,4%/năm.
- (ii) Các khoản huy động vốn ngắn hạn của người lao động trong công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với mức lãi suất 2,0% - 6,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	47.328.495.422	13.482.536.000	24.323.223.850	85.134.255.272
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	104.503.856.337	8.337.321.600	-	112.841.177.937
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Phân loại lại	-	-	(368.342.200)	(368.342.200)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(125.365.677.968)	(12.676.907.000)	(19.859.386.050)	(157.901.971.018)
Số cuối kỳ	26.466.673.791	9.142.950.600	19.095.495.600	54.705.119.991

16b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	16.184.000.000	809.444.240
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương ⁽ⁱ⁾	16.184.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương	-	809.444.240
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	5.307.172.500	-
Cộng	21.491.172.500	809.444.240

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương có tài sản đảm bảo để phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Lãi suất trong hạn 9%/năm.
- (ii) Các khoản huy động vốn dài hạn của người lao động trong công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với mức lãi suất 2,0% - 8,5%/năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	31.184.000.000	15.000.000.000	16.184.000.000	-
Vay dài hạn các cá nhân	9.402.668.100	4.095.495.600	5.307.172.500	-
Cộng	40.586.668.100	19.095.495.600	21.491.172.500	
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	15.365.053.290	14.555.609.050	809.444.240	-
Vay dài hạn các cá nhân	9.767.614.800	9.767.614.800	-	-
Cộng	25.132.668.090	24.323.223.850	809.444.240	

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân	Cộng
Số đầu năm	809.444.240	-	809.444.240
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	31.184.000.000	5.228.179.300	36.412.179.300
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(15.000.000.000)	-	(15.000.000.000)
Phân loại lại	-	368.342.200	368.342.200
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(809.444.240)	(289.349.000)	(1.098.793.240)
Số cuối kỳ	16.184.000.000	5.307.172.500	21.491.172.500

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	-
Tăng do trích lập(*)	16.357.500.000	24.907.703.083
Số sử dụng	-	-
Số cuối kỳ	16.357.500.000	24.907.703.083

(*) Trích lập dự phòng chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	11.049.849.115	10.911.836.557	-	216.000.000	22.177.685.672
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.850.433.684	8.850.433.683	-	307.750.000	18.008.617.367
Tăng khác	32.350.000	-	-	-	32.350.000
Chi quỹ trong kỳ	(882.000.000)	(559.835.545)	-	-	(1.441.835.545)
Kết chuyển nguồn hình thành tài sản cố định từ quỹ phúc lợi	-	(9.413.793.426)	9.413.793.426	-	-
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi	-	-	(18.827.587)	-	(18.827.587)
Số cuối kỳ	19.050.632.799	9.788.641.269	9.394.965.839	523.750.000	38.757.989.907

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ trước				
Số dư đầu năm trước	109.880.590.000	96.974.177.787	76.854.982.542	283.709.750.329
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	78.375.363.793	78.375.363.793
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	34.193.494.482	(34.193.494.482)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.838.698.896)	(6.838.698.896)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(216.000.000)	(216.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(16.482.088.500)	(16.482.088.500)
Số dư cuối kỳ	109.880.590.000	131.167.672.269	97.500.064.457	338.548.326.726
Kỳ này				
Số dư đầu năm nay	109.880.590.000	131.167.672.269	196.133.374.336	437.181.636.605
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	51.579.049.708	51.579.049.708
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	53.102.602.102	(53.102.602.102)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(17.700.867.367)	(17.700.867.367)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(307.750.000)	(307.750.000)
Chia cổ tức	-	-	(76.916.413.000)	(76.916.413.000)
Số dư cuối kỳ	109.880.590.000	184.270.274.371	99.684.791.575	393.835.655.946

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	75.262.190.000	75.262.190.000
Ông Lê Xuân Lương	10.341.000.000	10.341.000.000
Cổ đông khác	24.277.400.000	24.277.400.000
Cộng	109.880.590.000	109.880.590.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.988.059	10.988.059
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	10.988.059	10.988.059
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	10.988.059	10.988.059
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.988.059	10.988.059

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 số 18/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 76.916.413.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 53.102.602.102
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 17.700.867.367
• Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	: 307.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ số 59/2021/HĐTD tại phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì với diện tích thuê 81.765,2 m² và số 03/2016/HĐTD tại phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì với diện tích thuê 19.056,5 m² để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê đất 49 năm từ năm 1996 đến năm 2045. Tổng diện tích các khu đất thuê là 100.821,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành Nhà nước.

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trần Văn Tuấn	50.000.000	50.000.000
Lê Văn Thụ	277.500.833	277.500.833
Công ty Cổ phần Việt Hòa	123.497.132	123.497.132
Công ty Cổ phần Bột và Giấy Hòa Bình	387.193.098	387.193.098
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thống Nhất	269.764.704	269.764.704
Đối tượng khác	35.562.289	35.562.289
Cộng	1.143.518.056	1.143.518.056

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	71.236.105.510	19.296.228.930
Doanh thu bán thành phẩm	615.849.598.019	646.985.596.315
Doanh thu cung cấp dịch vụ	678.130.000	558.000.000
Cộng	687.763.833.529	666.839.825.245

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Đạm Ninh Bình	4.731.054.400	5.605.367.050
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	19.398.800	7.386.000
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX - Chi nhánh tại Bắc Ninh	404.038.800	1.980.799.050
Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam	6.583.083.469	5.753.776.000
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	92.400.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	49.000.476.068	40.844.156.610
Giảm giá hàng bán	-	801.892.900
Cộng	49.000.476.068	41.646.049.510

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	79.487.765.297	19.397.187.735
Giá vốn của thành phẩm đã bán	431.830.142.017	442.643.266.397
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.043.837.000	672.930.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.618.190.686)	851.176.104
Cộng	510.743.553.628	463.564.560.236

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.986.839.726	2.639.023.356
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	22.130.821	82.851.153
Lãi bán hàng trả chậm	841.245.987	856.556.443
Cộng	5.850.216.534	3.578.430.952

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.586.888.489	2.399.783.594
Chiết khấu thanh toán cho người mua	6.041.975.660	6.274.015.747
Cộng	8.628.864.149	8.673.799.341

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	1.268.198.400	1.397.370.900
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	616.164.033	456.586.567
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	76.359.901	118.699.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.098.116.666	629.377.508
Chi phí vận chuyển	37.565.335.633	28.370.778.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	883.811.211	4.753.574.488
Các chi phí khác	810.689.686	565.398.080
Cộng	42.318.675.530	36.291.786.340

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.939.374.473	11.440.205.126
Chi phí vật liệu quản lý	941.571.046	642.405.677
Chi phí đồ dùng văn phòng	718.112.091	654.380.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	409.006.305	403.881.473
Thuế, phí và lệ phí	566.564.383	580.253.400
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(259.093.880)	78.794.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.364.342.651	4.246.239.057
Các chi phí khác	7.277.833.266	4.507.833.456
Cộng	23.957.710.335	22.553.993.193

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	10.437.054	-
Nhập kho do thu hồi muối NaCl từ sản xuất Javen	7.498.543.600	-
Bán phế thải	315.272.463	544.292.786
Các khoản thu nhập khác	258.549.548	315.914.728
Cộng	8.082.802.665	860.207.514

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất kho PAC cận bã xử lý chất thải	993.701.915	-
Các khoản phạt	1.160.538.222	220.390.386
Các khoản chi phí khác	112.807.371	287.082.367
Cộng	2.267.047.508	507.472.753

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.579.049.708	78.375.363.793
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.157.904.971)	(7.837.536.379)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành^(*)</i>	(5.157.904.971)	(7.837.536.379)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	46.421.144.737	70.537.827.414
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	10.988.059	10.988.059
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.225	6.419

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại trừ khi tính lãi cơ bản trên trên cổ phiếu căn cứ theo Điều lệ của Công ty (10% từ lợi nhuận sau thuế).

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	339.820.129.643	358.034.855.631
Chi phí nhân công	36.131.491.853	37.028.900.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.333.053.174	26.268.703.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.573.882.178	67.850.233.335
Chi phí khác	12.828.595.872	14.803.864.761
Cộng	482.687.152.720	503.986.557.634

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương/thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Trần Quốc Cương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	30.000.000	30.000.000
Ông Văn Đình Hoan	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	639.723.600	18.000.000	657.723.600
Ông Nguyễn Văn Bách	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	448.706.900	18.000.000	466.706.900
Ông Khúc Ngọc Giảng	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Phạm Ngọc Phú	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Đào Hải Linh	Phó Tổng Giám đốc	412.500.300	-	412.500.300
Ông Lê Việt Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát	181.211.200	-	181.211.200
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Minh Hoa	Kế toán trưởng	355.581.700	-	355.581.700
Cộng		2.037.723.700	138.000.000	2.157.723.700

Kỳ trước

Ông Trần Quốc Cương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	30.000.000	30.000.000
Ông Văn Đình Hoan	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	493.263.300	18.000.000	511.263.300
Ông Nguyễn Văn Bách	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	382.147.337	18.000.000	400.147.337
Ông Phạm Ngọc Phú	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Khúc Ngọc Giảng	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Đào Hải Linh	Phó Tổng Giám đốc	338.098.000	-	338.098.000
Ông Lê Việt Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát	188.995.905	-	188.995.905
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên BKS	121.314.500	18.000.000	139.314.500
Bà Lê Thị Minh Hoa	Kế toán trưởng	347.481.516	-	347.481.516
Cộng		1.871.300.558	138.000.000	2.009.300.558

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Viện Hoá học Công nghiệp Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	Cùng Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam
Công ty TNHH Một thành viên Đạm Ninh Bình
Công ty Cổ phần Suphốt phát và Hoá chất Lâm Thao
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển
Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng
Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng

Mối quan hệ

Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ Phần Cao Su Sao Vàng – Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	179.575.000	68.225.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam – Chia cổ tức cho Công ty mẹ	52.683.533.000	11.289.328.500

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.11, V.12 và V.15.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 3 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Hoa

Tổng Giám đốc



Văn Đình Hoan

